

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 9 - 2022

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 "V/v Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm: 1982;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981;

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai chị Nông Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi sinh con đầu lòng, năm 2002 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 13 năm sau đó đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi người một quan điểm, một tính cách khác nhau nên không có sự tôn trọng và chia sẻ với nhau trong

cuộc sống gia đình, vì bất đồng quan điểm nên nên trong cuộc sống giữa hai anh chị thường xảy ra các cuộc cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Ngoài ra, do con chung của anh chị **chết** sớm, vợ chồng không sinh thêm được người con nào nữa nên tình cảm ngày một rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được gia đình hai bên tiến hành hòa giải nhưng không khắc phục được mà ngày càng xảy ra trầm trọng hơn, chính vì vậy anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn có níu kéo, duy trì thì cuộc hôn nhân cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên chị Nông Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn yêu cầu anh Nguyễn Văn T đến trụ sở Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh Tới đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án huyện Bắc Quang đã phối hợp với chính quyền địa phương xã Q, huyện B trực tiếp thông báo và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho anh Tới và niêm yết các văn bản, giấy tờ của Tòa án đã ban hành theo đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định, nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh về nơi cư trú và chỗ ở của bị đơn, cho thấy anh Nguyễn Văn T hiện vẫn đang cư trú và sinh sống tại nhà riêng thuộc thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang, nhưng vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ theo quy định. Để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng tại chính quyền địa phương, đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa lần thứ nhất có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do, còn tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, về con chung và tài sản chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị Nông Thị L đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh Nguyễn Văn T đã không tuân thủ và không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung, tài sản chung: Do các đương sự không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền, xét đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Nông Thị L được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về sự vắng mặt của đương sự, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do và trước khi mở phiên tòa nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ **điểm b** khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B cho thấy, chị Nông Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2002 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó cuộc hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được **13** năm, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp và sau khi **con chung bị chết sớm**, anh chị không sinh được người con chung nào khác, dẫn đến trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra mâu thuẫn, năm 2016 chị Nông Thị L đã bỏ nhà đi không còn sống chung cùng với anh Tới và sống ly thân từ đó đến nay. Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị L và anh Nguyễn Văn T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị L. Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0003128 ngày 22 tháng 4 năm 2022.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Q, huyện B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư

